HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Bù Đốp, ngày tháng 4 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua danh mục Dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách huyện quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP
KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số ……/TTr-UBND ngày ….. /4/2023 của UBND huyện; Báo cáo số ……/BC-HĐND-KTXH ngày ….. /4/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến đóng góp của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách huyện quản lý với các nội dung như sau:

Kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30.816.638.483 đồng; Trong đó:

- Vốn đầu tư XDCB tập trung phân cấp: 616.407.000 đồng.

- Vốn thu tiền sử dụng đất do tỉnh phân cấp: 11.677.748.515 đồng.

- Vốn thu tiền sử dụng đất của huyện: 5.875.022.968 đồng.

- Vốn ngân sách huyện: 11.490.000.000 đồng.

- Vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 397.000.000 đồng.

- Vốn CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 760.460.000 đồng. *Cụ thể:*

+ Vốn ngân sách Tỉnh: 474.460.000 đồng.

+ Vốn ngân sách huyện: 286.000.000 đồng.

(Có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao UBND huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện và các Đại biểu HĐND huyện giám sát việc tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này được HĐND huyện Bù Đốp khóa V, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số: ……/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân	Kéo dài giải ngân sang năm 2023	Chủ đầu tư	Mã DA
	TỔNG		**22.200.000.000**	**15.000.000.000**	**14.603.000.000**	**397.000.000**		
	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022							
1	Nâng cấp đường GTNT khu vực Suối Nứa ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện	1956/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	5.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-	UBND xã Phước Thiện	7960047
2	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Mười Mẫu - Tân Lập xã Phước Thiện	1957/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	6.500.000.000	4.000.000.000	3.974.000.000	26.000.000	UBND xã Phước Thiện	7954668
3	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Phước xã Phước Thiện	1958/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	5.500.000.000	3.500.000.000	3.332.000.000	168.000.000	UBND xã Phước Thiện	7954669
4	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	1959/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	2.500.000.000	2.000.000.000	1.851.000.000	149.000.000	UBND xã Phước Thiện	7950652
5	Xây dựng đường sỏi đỏ ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện	1960/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	2.200.000.000	2.000.000.000	1.946.000.000	54.000.000	UBND xã Phước Thiện	7946838

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN V À GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: ……../NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	*Trong đó:*			Thực hiện giải ngân	*Trong đó:*			Kéo dài giải ngân sang năm 2023	*Trong đó:*			Chủ đầu tư	Mã DA
					Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	Vốn huyện (SDĐ)		Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	Vốn huyện (SDĐ)		Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	Vốn huyện (SDĐ)		
	TỔNG		**6.615.000.000**	**6.576.000.000**	**5.718.000.000**	**572.000.000**	**286.000.000**	**97.540.000**	**-**	**97.540.000**	**-**	**760.460.000**	**-**	**474.460.000**	**286.000.000**		
I	**Giao đợt 1: Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yêu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN**																
1	Xây dựng đường liên thôn ấp Bù Tam đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	1521/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	1.900.000.000	1.861.000.000	1.618.000.000	162.000.000	81.000.000	97.540.000	-	97.540.000	-	145.460.000	-	64.460.000	81.000.000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	8003856
II	**Giao đợt 2: Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**																
	ND4: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung																
1	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, huyện Bù Đốp	1919/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	4.715.000.000	4.715.000.000	4.100.000.000	410.000.000	205.000.000	-	-	-	-	615.000.000	-	410.000.000	205.000.000	Phòng Nông nghiệp &PTNT	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN V À GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: ...../NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022	Trong đó:				Thực hiện giải ngân	Trong đó:				Vốn kéo dài giải ngân sang năm 2023	Trong đó:				Chủ đầu tư	Mã DA
					Vốn đầu tư theo phân cấp	*Thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất vốn huyện*	*Ngân sách huyện*		*Vốn đầu tư theo phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất vốn huyện*	*Ngân sách huyện*		*Vốn đầu tư theo phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất vốn huyện*	*Ngân sách huyện*		
	TỔNG CỘNG		**228.464.160.259**	**126.557.000.000**	**8.181.000.000**	**79.542.000.000**	**19.454.000.000**	**19.380.000.000**	**96.897.821.517**	**7.564.593.000**	**67.864.251.485**	**13.578.977.032**	**7.890.000.000**	**29.659.178.483**	**616.407.000**	**11.677.748.515**	**5.875.022.968**	**11.490.000.000**		
I	**CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH TRƯỚC 31/12/2021**		**28.969.000.000**	**9.309.000.000**	**7.809.000.000**	**1.500.000.000**	-	-	**8.862.178.338**	**7.471.456.000**	**1.390.722.338**	-	-	**446.821.662**	**337.544.000**	**109.277.662**	-	-		
1	Xây dựng đường GTNT tổ 4, 8 ấp Thanh Thủy thị trấn Thanh Bình	1409/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	4.380.000.000	500.000.000	500.000.000	-			429.210.000	429.210.000				70.790.000	70.790.000	-	-	-	UBND thị trấn Thanh Bình	7783144
2	Xây dựng nhà làm việc Ban lãnh đạo và Chỉ huy các đội nghiệp vụ Công an huyện Bù Đốp	1408/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	6.688.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000			1.390.722.338		1.390.722.338			109.277.662	-	109.277.662	-	-	Công an huyện	7004692
3	Xây dựng đường GTNT tổ 2 khu Vườn Mít ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	1435/QĐ-UBND, ngày 28/10/2019	3.752.000.000	2.306.000.000	2.306.000.000	-			2.271.320.000	2.271.320.000				34.680.000	34.680.000	-	-	-	UBND xã Phước Thiện	7818962
4	Xây dựng đường GTNT tổ 3 ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	1436/QĐ-UBND, ngày 28/10/2019	4.784.000.000	1.614.000.000	1.614.000.000	-			1.563.418.000	1.563.418.000				50.582.000	50.582.000	-	-	-	UBND xã Phước Thiện	7818965
5	Nâng cấp đường GTNT tổ 1 ấp Tân Hưng xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	1420/QĐ-UBND, ngày 25/10/2019	5.181.000.000	1.562.000.000	1.562.000.000	-			1.517.092.000	1.517.092.000				44.908.000	44.908.000	-	-	-	UBND xã Phước Thiện	7818966
6	Đường nhựa ấp Tân Hưng - Điện Ảnh xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	1431/QĐ-UBND, ngày 28/10/2019	2.453.000.000	1.163.000.000	1.163.000.000	-			1.125.916.000	1.125.916.000				37.084.000	37.084.000	-	-	-	UBND xã Phước Thiện	7818968
7	Xây dựng đường GTNT xã Tân Thành	1424/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.059.000.000	517.000.000	517.000.000	-			452.000.000	452.000.000				65.000.000	65.000.000	-	-	-	UBND xã Tân Thành	7860006
8	Xây dựng cống và gia cố mương thoát nước tuyến đường nhựa Thôn 1 xã Thiện Hưng	1415/QĐ-UBND ngày 285/10/2019	672.000.000	147.000.000	147.000.000	-			112.500.000	112.500.000				34.500.000	34.500.000	-	-	-	UBND xã Thiện Hưng	7833699
II	**CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2022**		**76.503.160.259**	**40.334.000.000**	**372.000.000**	**39.962.000.000**	-	-	**37.669.249.446**	**93.137.000**	**37.576.112.446**	-	-	**2.664.750.554**	**278.863.000**	**2.385.887.554**	-	-		
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			-		-								-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp đường Khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình	1730/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.484.204.850	2.300.000.000	-	2.300.000.000			2.125.800.000		2.125.800.000			174.200.000	-	174.200.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7880028
2	Đường láng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 5 xã Thanh Hòa	1700/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	4.063.831.172	2.762.000.000	-	2.762.000.000			2.740.604.000		2.740.604.000			21.396.000	-	21.396.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7880025
3	Nâng cấp đường GTNT ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hoà	1474/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	3.086.000.000	1.700.000.000	-	1.700.000.000			1.454.494.000		1.454.494.000			245.506.000	-	245.506.000	-	-	UBND xã Thanh Hoà	7936860
4	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Nhân - Tân Nghĩa xã Tân Tiến	836/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	3.491.000.000	2.563.000.000	263.000.000	2.300.000.000			2.297.781.000		2.297.781.000			265.219.000	263.000.000	2.219.000	-	-	UBND xã Tân Tiến	7918630
5	Nâng cấp đường GTNT tổ 28 ấp Tân Phong xã Tân Thành	1773/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	2.907.180.253	2.109.000.000	109.000.000	2.000.000.000			2.093.137.000	93.137.000	2.000.000.000			15.863.000	15.863.000	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7878203
6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	838/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	3.414.000.000	1.600.000.000	-	1.600.000.000			1.583.672.000		1.583.672.000			16.328.000	-	16.328.000	-	-	UBND xã Phước Thiện	7916477
7	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	1692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	3.348.000.000	1.300.000.000	-	1.300.000.000			1.278.381.000		1.278.381.000			21.619.000	-	21.619.000	-	-	UBND xã Hưng Phước	7887282
8	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam xã Hưng Phước	1691/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	4.526.000.000	2.300.000.000	-	2.300.000.000			2.260.751.300		2.260.751.300			39.248.700	-	39.248.700	-	-	UBND xã Hưng Phước	7887283
9	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Ngã tư Thôn 6 đi Thôn 10 xã Thiện Hưng	716/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	29.597.000.000	13.000.000.000	-	13.000.000.000			12.895.201.600		12.895.201.600			104.798.400	-	104.798.400	-	-	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7945239
	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH		-	-	-	-			-					-	-	-	-	-		
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		-	-	-	-			-					-	-	-	-	-		

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022	Trong đó:				Thực hiện giải ngân	Trong đó:				Vốn kéo dài giải ngân sang năm 2023	Trong đó:				Chủ đầu tư	Mã DA
					Vốn đầu tư theo phân cấp	*Thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất vốn huyện*	*Ngân sách huyện*		*Vốn đầu tư theo phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất vốn huyện*	*Ngân sách huyện*		*Vốn đầu tư theo phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp*	*Thu tiền sử dụng đất vốn huyện*	*Ngân sách huyện*		
10	Xây dựng 04 phòng học, nhà giáo dục thể chất Trường Tiểu học Thiện Hưng C	626/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	4.698.000.000	3.200.000.000	-	3.200.000.000			3.065.427.546		3.065.427.546			134.572.454	-	134.572.454	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7899462
	LĨNH VỰC Y TẾ		-	-	-	-			-					-	-	-	-	-		
11	Xây dựng khu hành chính và cấp cứu Bệnh viện Đa khoa huyện Bù Đốp	1939/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	12.887.943.984	7.500.000.000	-	7.500.000.000			5.874.000.000		5.874.000.000			1.626.000.000	-	1.626.000.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7888313
	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI			-		-			-					-	-	-	-	-		
III	**CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022**		**122.992.000.000**	**76.914.000.000**	**-**	**38.080.000.000**	**19.454.000.000**	**19.380.000.000**	**50.366.393.733**	**-**	**28.897.416.701**	**13.578.977.032**	**7.890.000.000**	**26.547.606.267**	**-**	**9.182.583.299**	**5.875.022.968**	**11.490.000.000**		
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			-		-			-					-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp đường GTNT tổ 19 ấp Tân Lợi xã Tân Thành	1863/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	2.830.000.000	2.400.000.000		2.400.000.000			2.311.348.000		2.311.348.000			88.652.000	-	88.652.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7929276
2	Xây dựng đường GTNT tổ 1 đi tổ 6 ấp 7 xã Thanh Hoà	1917/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	4.000.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000			1.116.290.000		1.116.290.000			83.710.000	-	83.710.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7961833
3	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759B đi ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	2182/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	19.000.000.000	13.714.000.000		1.000.000.000	4.334.000.000	8.380.000.000	5.775.263.000		885.263.000		4.890.000.000	7.938.737.000	-	114.737.000	4.334.000.000	3.490.000.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7956860
4	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759 đi tổ 5,8 ấpThanh Tâm thị trấn Thanh Bình	2188/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	19.000.000.000	10.000.000.000		2.000.000.000		8.000.000.000	3.886.727.777		886.727.777		3.000.000.000	6.113.272.223	-	1.113.272.223	-	5.000.000.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7957728
5	Xây dựng đường sỏi đỏ từ ấp 1 xã Thanh Hòa đến Tổ 5 khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình	2190/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	750.000.000	750.000.000		750.000.000			544.124.000		544.124.000			205.876.000	-	205.876.000	-	-	UBND xã Thanh Hòa	7987607
6	Nâng cấp, sửa chữa đường sỏi đỏ từ khu 134 ấp Mười Mẫu đi khu du lịch suối ké thuộc xã Phước Thiện	2191/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.500.000.000	3.200.000.000		3.200.000.000			3.122.613.000		3.122.613.000			77.387.000	-	77.387.000	-	-	UBND xã Phước Thiện	7954811
7	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường sỏi đỏ khu vực cấp đất an sinh xã hội thuộc các tiểu khu 59, 60, 65 xã Phước Thiện đi Khu dân cư liền kề Đồn Biên phòng Phước Thiện	2192/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.500.000.000	3.185.000.000		3.185.000.000			3.154.848.924		3.154.848.924			30.151.076	-	30.151.076	-	-	Phòng Nông nghiệp và PTNT	7952860
8	Nâng đường GTNT ấp 9 xã Thanh Hòa		2.365.000.000	1.700.000.000		1.700.000.000			122.466.000		122.466.000			1.577.534.000	-	1.577.534.000	-	-	UBND xã Thanh Hòa	7989112
	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH		0	-		-			-					-	-	-	-	-		
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		0	-		-			-					-	-	-	-	-		
9	Xây dựng trường TH&THCS Phước Thiện	1720/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	24.650.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000			14.999.136.000		14.999.136.000			5.000.864.000	-	5.000.864.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7925448
10	Xây dựng Nhà tập đa năng Trường THCS Bù Đốp	1715/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	3.450.000.000	1.045.000.000		1.045.000.000			1.041.900.000		1.041.900.000			3.100.000	-	3.100.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7925449
	LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI		0	-		-			-					-	-	-	-	-		
11	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	1935/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.210.000.000	1.600.000.000		1.600.000.000			712.700.000		712.700.000			887.300.000	-	887.300.000	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	7937886
12	Dự án chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025		22.617.000.000	3.000.000.000		-		3.000.000.000	-					3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND giao chi tiết	
13	Xây dựng đường, sân bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù năm 2022		15.120.000.000	15.120.000.000		-	15.120.000.000		13.578.977.032			13.578.977.032		1.541.022.968	-	-	1.541.022.968	-	Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND giao chi tiết	